TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương** và Ông **Nguyễn Duy Khương**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2025/TB-TA ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thu N**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp TB, xã GT, huyện CT, tỉnh KG. Nay là ấp TB, xã CT, tỉnh AG.

Bà N có mặt tại phiên toà.

* Bị đơn: Ông **Hồ Văn K**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp TB, xã GT, huyện CT, tỉnh KG. Nay là ấp TB, xã CT, tỉnh AG.

(Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn K kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thu N trình bày:***

Năm 1988 bà và ông Hồ Văn K chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại đâu theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và có chung 01 người con chung Hồ Hoàng N1, sinh ngày 02/10/1988. Nhưng sau đó ông bỏ nhà ra đi trong lúc bà đang mang thai nhưng khoảng vài năm gần đây thì ông Khời thường xuyên về thăm con và gia đình. Nhưng ông bà vẫn không nói chuyện với nhau. Nay bà K kiện xin ly hôn với ông Hồ Văn K

Tại phiên tòa bà Phan Thị Thu N có yêu cầu.

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn đối với ông Hồ Văn K.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Hồ Hoàng N1, sinh ngày 02/10/1988 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có không yêu cầu giải quyết.

**** Đối với bị đơn ông Hồ Văn K***: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định ông Hồ Văn K vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tống đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng ông Hồ Văn K vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thu N và ông Hồ Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu K kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu N hiện quyền K kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn bà Phan Thị Thu N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Hồ Văn K. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *"Tranh chấp xin ly hôn"*.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Hồ Văn K đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Hồ Văn K vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Thu N yêu cầu xét xử vắng mặt ông Hồ Văn K. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Văn K theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung: Bà Phan Thị Thu N và ông Hồ Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu theo đúng quy định của pháp luật (có xác nhận của chính quyền địa phương) trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông K và bà N đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Đến nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà K kiện xin ly hôn với ông Hồ Văn K. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phan Thị Thu N và ông Hồ Văn K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và căn cứ vào điểm b mục

3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình thì quan hệ của bà Phan Thị Thu N và ông Hồ Văn K không được công nhận là vợ chồng.

[5] - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Thu N xác định trong thời gian chung sống thì bà và ông Hồ Văn K có chung 01 người con chung là Hồ Hoàng N1, sinh ngày 02/10/1988 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông Hồ Văn K đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Hồ Văn K vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất để xác định về tài sản chung cũng như nợ chung giữa ông bà được. Mặt khác, tại phiên toà bà Phan Thị Thu N khẳng định bà và ông Hồ Văn K không tạo lập được tài sản gì chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này ông bà hoặc cơ quan tổ chức, cá nhân nào khác có yêu cầu thì các đương sự có quyền K kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Do bà Phan Thị Thu N hiện nay đã trên 60 tuổi nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Phan Thị Thu N được miễn án phí dân sự giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thu N và ông Hồ Văn K là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu N xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Thu N xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Thu N được miễn án phí dân sự giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UNND xã Châu Thành, An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đẩu